TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 05- 7- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân

2. Ông Đỗ Văn Thư

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2016/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại: Thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại: Cụm dân cư số 6, thôn C, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà được UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cho thuê đất để thực hiện dự án tại địa điểm khu Đ, chân núi H, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ngày 17 tháng 6 năm 2011 bà được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 057538, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH/0031 đứng tên chủ sử dụng là hộ

bà Nguyễn Thị H. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã bị UBND huyện T thu hồi năm 2016. Trong quá trình thực hiện dự án, do không có thời gian để giám sát thực hiện dự án nên ngày 19 tháng 4 năm 2010 bà có ký Giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Văn A tại UBND xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng ủy quyền cho ông A thay bà quản lý kinh doanh, điều hành và giải quyết mọi công việc có liên quan đến dự án. Sau đó ông A lợi dụng lúc bà chăm sóc mẹ ốm đã gọi điện cho bà lên Văn phòng công chứng A và bà tin tưởng ông A nên đã ký với ông Nguyễn Văn A Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 tại Văn phòng công chứng A, thành phố Hải Phòng mà không đọc nội dung hợp đồng.

Nay bà có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án nhân dân huyện A chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 giữa bà và ông Nguyễn Văn A đã ký kết tại Văn phòng công chứng A, thành phố Hải Phòng.

Lý do chấm dứt Hợp đồng ủy quyền do ông Nguyễn Văn A đã liên hệ với ông Nguyễn Quốc H là công chứng viên của Văn phòng công chứng A đã thảo sẵn hợp đồng ủy quyền rồi gọi điện cho bà lên Văn phòng công chứng A và nói là hợp đồng này nội dung y như ở xã thôi, nhưng phải công chứng thì trình bày với các phòng ban người ta mới nghe. Bà đã tin tưởng và ký vào Hợp đồng ủy quyền mà không đọc hợp đồng ủy quyền, ông A đã lừa dối bà khi ký kết hợp đồng ủy quyền. Tuy nhiên quá trình thực hiện Hợp đồng ủy quyền, ông Nguyễn Văn A vi phạm tự ý mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Bản gốc*) thế chấp cho ông H để vay số tiền 3.000.000.000đ (Ba tỷ đồng) mà không có ý kiến của bà, ông A, bà Y vay của ông H từ thời điểm nào bà cũng không biết. Bà chỉ ký giãn nợ hộ ông A. Mặt khác ông A tự ý xây dựng công trình trên đất, cho người khác thuê để rửa xe mà bà không được biết, ông A còn cho ông T thuê đất để thu tiền mà không thông qua ý kiến của bà. Do vậy bà yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 giữa bà và ông Nguyễn Văn A.

Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông và bà Phạm Thị Y cùng bà Nguyễn Thị H đã thỏa thuận và cam kết góp vốn hợp tác đầu tư xây dựng cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn nghỉ, vui chơi giải trí thể thao tại khu đất đầm C, chân núi H thuộc xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Ông và bà H đã ký kết hợp đồng cam kết ngày 30 tháng 10 năm 2009 và bản hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Trên cơ sở Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 19 tháng 4 năm 2010 tại UBND xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng bà H đã ủy quyền cho ông được thay mặt bà quản lý, xây dựng dự án, điều hành và giải quyết mọi công việc có liên quan đến dự án.

Ngày 21 tháng 7 năm 2011 tại Văn phòng công chứng A thành phố Hải Phòng ông và bà Nguyễn Thị H đã thỏa thuận ký kết hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD. Bằng Hợp

đồng ủy quyền này bà H đã ủy quyền cho ông được toàn quyền thay mặt bà H liên hệ thực hiện quản lý, sử dụng thửa đất thuê, dự án nói trên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 057538 do UBND huyện T cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 cho bà H, để ông đầu tư thực hiện dự án.

Ngày 21 tháng 9 năm 2013, bà Nguyễn Thị H đã ra thông báo về việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền với ông. Ngày 20 tháng 4 năm 2016, ông có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện A hủy bỏ thông báo ngày 21 tháng 9 năm 2012 của bà H. Đến ngày 08 tháng 12 năm 2017, ông đã có đơn rút đơn yêu cầu khởi kiện tại Tòa án và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ yêu cầu số 01/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017.

Tuy nhiên trong quá trình tố tụng, bà H có đơn yêu cầu Tòa án chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 giữa bà và ông A. Ngày 05 tháng 12 năm 2017 Tòa án đã thụ lý đơn yêu cầu chấm dứt Hợp đồng ủy quyền ngày 21 tháng 7 năm 2011 của bà H. Ông có quan điểm không đồng ý chấm dứt hợp đồng ủy quyền với bà H vì ông không vi phạm hợp đồng ủy quyền đã ký kết với bà H. Ông đã đầu tư và đang thi công xây dựng cơ sở kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Ông đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Nguyễn Văn H vào ngày 20 tháng 5 năm 2012 để bảo lãnh số tiền đã vay là 3.000.000.000 VNĐ đầu tư vào dự án theo Giấy công nhận nợ ngày 27 tháng 9 năm 2012 do bà H, bà Y, ông H và ông đã ký. Số tiền ông vay của ông H, bà Y đã đưa cho bà H để chi trả đầu tư vào dự án. Ông đã bị UBND huyện T thu hồi và phá hủy công trình. Trong việc cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Trí Đức trái với quy định của pháp luật. Nay UBND huyện T đã ban hành Quyết định về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4088/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2016 là trái với quy định của pháp luật. Bà H không thực hiện nghĩa vụ của bên ủy quyền quy định tại Điều 586, Điều 588 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy ông không chấp nhận yêu cầu của bà H đề nghị Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền ngày 21 tháng 7 năm 2011 đã ký giữa ông và bà H. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác. Quá trình tố tụng tại Tòa án ông cũng có đơn ngày 03 tháng 01 năm 2018 yêu cầu Tòa án buộc bà H phải thực hiện nghĩa vụ của bên ủy quyền, chịu trách nhiệm về những việc làm của bên được ủy quyền đã thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 586 Bộ luật dân sự, phải thanh toán các chi phí hợp lý mà bên được ủy quyền đã bỏ ra để thực hiện công việc được ủy quyền theo quy định của pháp luật. Ngày 26 tháng 01 năm 2018 ông rút đơn yêu cầu.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Qua quan điểm phát biểu, Kiểm sát viên đánh giá: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 422, 562, 563,569 Bộ luật Dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị H được chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 đã ký kết với ông Nguyễn Văn A tại Văn phòng công chứng A, thành phố Hải Phòng. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án:

Ngày 20 tháng 4 năm 2016, ông Nguyễn Văn A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tranh chấp Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 mà ông và bà H đã ký kết tại Văn phòng công chứng A. Tòa án đã thụ lý vụ án số 06/2016/TLST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2016. Đến ngày 19 tháng 10 năm 2017, bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 tại Văn phòng công chứng A. Đến ngày 08 tháng 12 năm 2017, ông Nguyễn Văn A có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ yêu cầu của đương sự số 01/2017/QQĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017. Theo quy định tại Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc thay đổi địa vụ tố tụng. Do vậy bà Nguyễn Thị H trở thành nguyên đơn còn ông Nguyễn Văn A trở thành bị đơn trong vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chấm dứt Hợp đồng ủy quyền. Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng ủy quyền. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện A, thành phố Hải Phòng căn cứ quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[3] Xét hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn A lập ngày 21 tháng 7 năm 2017:

- Về hình thức hợp đồng ủy quyền: Xét hợp đồng ủy quyền lập ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn A về hình thức là phù hợp với quy định tại Điều 581 và Điều 582 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Về nội dung hợp đồng ủy quyền: Bà H và ông A cùng góp vốn để đầu tư chung xây dựng cơ sở dịch vụ ăn nghỉ, vui chơi giải trí thể thao tại khu Đầm Cạn, chân núi Hang Lương, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị H đã được UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 057538, số vào sổ

cấp giấy chứng nhận số CH/0031 ngày 17 tháng 6 năm 2011. Vì điều kiện khách quan nên bà H đã ủy quyền cho ông A thay mặt bà quản lý, sử dụng và thực hiện một số công việc liên quan đến việc quản lý và xây dựng dự án. Tại thời điểm ký kết hợp đồng ủy quyền, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn A đều xác nhận hai bên đều ký vào hợp đồng ủy quyền. Các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp với quy định của pháp luật. Nội dung ủy quyền không trái với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng ủy quyền này được công chứng tại Văn phòng công chứng A, thành phố Hải Phòng. Như vậy hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn A ký ngày 21 tháng 7 năm 2011 đã có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Nội dung hợp đồng ủy quyền ngày 21 tháng 7 năm 2011 thể hiện: Việc ủy quyền không có thù lao, mục đích của việc ủy quyền là để ông A thực hiện việc quản lý, sử dụng và thực hiện một số công việc khác trong phạm vi ủy quyền liên quan đến dự án tại khu Đ, chân núi H, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Thời hạn ủy quyền là kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và được tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận cho đến hết thời hạn thuê đất được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc khi Hợp đồng ủy quyền hết hiệu lực theo quy định của Bộ luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 21 tháng 9 năm 2013, bà Nguyễn Thị H đã ra thông báo về việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền với ông Nguyễn Văn A. Tuy nhiên ông A không đồng ý chấm dứt hợp đồng ủy quyền với bà H. Theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng ủy quyền ngày 21 tháng 7 năm 2011, hai bên đã thỏa thuận: Bên ủy quyền, bên được ủy quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 588 của Bộ luật dân sự. Xét tại Điều 3 của Hợp đồng ủy quyền lập ngày 21 tháng 7 năm 2011 giữa bên ủy quyền và bên được ủy quyền đều xác định không có thù lao. Theo quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự 2005 quy định về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền: " ...nếu ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên được ủy quyền một thời gian hợp lý...". Bà Nguyễn Thị H đã ra thông báo bằng văn bản ngày 21 tháng 9 năm 2013 báo cho ông Nguyễn Văn A biết về việc bà đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền. Như vậy bà H đã báo trước cho bên được ủy quyền là ông A một thời gian hợp lý. Ông Nguyễn Văn A đã biết được việc bà Nguyễn Thị H thông báo về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng ủy quyền với ông. Việc ông A không đồng ý chấm dứt thực hiện nội dung công việc ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 là không có căn cứ. Yêu cầu của bên ủy quyền bà Nguyễn Thị H đề nghị chấm dứt hợp đồng ủy quyền là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 70, 147 điểm a, điểm b Khoản 2 Điều 227 , Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 588 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền"

Tuyên bố: Chấm dứt hợp đồng ủy quyền số công chứng 5380.NQH/2011.HĐUQ, quyển số 03-AP.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21 tháng 7 năm 2011 giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn A đã ký kết tại Văn phòng công chứng A, thành phố Hải Phòng

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0007421 ngày 05 tháng 12 năm 2017)

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi